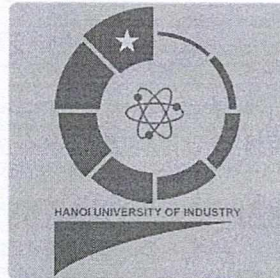


TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI
KHOA KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN



**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO
TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**
NGÀNH KIỂM TOÁN

Hà Nội, 2018

MỤC LỤC

1.	THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	3
2.	MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH	3
1.1.	Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu chiến lược của Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội	3
2.2.	Tầm nhìn - Sứ mạng – Chiến lược phát triển của Khoa Kế toán-Kiểm toán	6
2.3.	Mục tiêu của chương trình.....	6
3.	CHUẨN ĐẦU RA	7
4.	VỊ TRÍ VIỆC LÀM.....	9
5.	THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP.....	9
5.1.	Thông tin tuyển sinh.....	9
5.2.	Quy trình đào tạo	9
5.3.	Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp.....	10
6.	ĐỘI NGŨ VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY	10
7.	CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP	11
7.1.	Chuẩn bị của giảng viên	11
7.2.	Các phương pháp/chiến lược dạy học.....	11
7.3.	Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học	12
8.	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ.....	13
8.1.	Quy trình đánh giá.....	13
8.2.	Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá	13
8.3.	Rubric đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình	13
9.	NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH.....	13
9.1	Khối lượng kiến thức toàn khóa	13
9.2	Nội dung chương trình	14
9.3	Ma trận các kỹ năng.....	18
9.4	Sơ đồ tiến trình đào tạo	19
9.5	Mô tả tóm tắt nội dung học phần.....	20
10.	ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	23
11.	PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	23
	PHỤ LỤC: TÀI LIỆU THAM KHẢO XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH	24

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình (tiếng Việt):	Cử nhân Kiểm toán
Tên chương trình (tiếng Anh):	Auditing
Mã ngành đào tạo:	DH3403021
Đơn vị cấp bằng cấp bằng:	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội
Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:	Cử nhân Kiểm toán
Trình độ đào tạo:	Đại học
Thời gian đào tạo:	04 năm
Đơn vị giảng dạy:	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội
Khoa quản lý CTĐT:	Kế toán – Kiểm toán

2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

Mục tiêu của chương trình đào tạo được xây dựng phù hợp với Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu chiến lược của Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội; tương thích, phù hợp với Tầm nhìn - Sứ mạng của Khoa Kế toán-Kiểm toán nhằm bồi dưỡng con người và phát triển nghiên cứu khoa học mang tính ứng dụng đáp ứng các nhu cầu xã hội.

2.1. Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu chiến lược của Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội

Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội là trường đại học công lập trực thuộc Bộ Công Thương, có truyền thống đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ kinh tế, công nhân kỹ thuật lâu đời nhất Việt Nam (tiền thân là Trường Chuyên nghiệp Hà Nội thành lập năm 1898 và Trường Chuyên nghiệp Hải Phòng thành lập năm 1913) và là cơ sở đào tạo định hướng ứng dụng nhiều ngành, nhiều loại hình, nhiều cấp trình độ.

2.1.1. Tầm nhìn

Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội là cơ sở đào tạo định hướng ứng dụng nhiều ngành, nhiều loại hình, nhiều cấp trình độ; là trường đại học đạt chuẩn quốc gia và chuẩn quốc tế một số lĩnh vực; là trung tâm nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ uy tín; là địa chỉ tin cậy cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho thị trường lao động trong nước và quốc tế.

2.1.2. Sứ mạng

Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội cung cấp dịch vụ giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, tư vấn, ứng dụng và chuyển giao công nghệ đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

2.1.3. Mục tiêu chiến lược

① Chiến lược phát triển đào tạo

- Xây dựng Trường Đại học Công nghiệp trở thành một cơ sở đào tạo chất lượng cao theo định hướng ứng dụng, nhiều ngành, nhiều loại hình, nhiều cấp trình độ, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao cho thị trường lao động trong nước và quốc tế với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

- Các chương trình đào tạo được thiết kế theo định hướng ứng dụng và thường xuyên được cập nhật, chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo được công khai và đảm bảo đánh giá định lượng được;

- Ít nhất 10% thời lượng của mỗi chương trình đào tạo được dành cho thực tập thực tế và hoạt động giảng dạy, báo cáo chuyên đề, seminar bởi các giảng viên thỉnh giảng, các chuyên gia, báo cáo viên có uy tín hoặc kinh nghiệm thực tế ở trong và ngoài nước;

- Tổ chức và quản lý đào tạo theo học chế tín chỉ với tất cả các chương trình đào tạo;

- Quy mô đào tạo chính quy dài hạn duy trì trong khoảng 30.000 – 32.000 sinh viên, trong đó đào tạo trình độ đại học chiếm trên 90%; tỉ lệ sinh viên/giảng viên đảm bảo đúng quy định của Nhà nước; giảng viên có trình độ tiến sĩ đạt 25% vào năm 2020; Số chương trình đào tạo chất lượng cao, chương trình liên kết đào tạo, đồng cấp bằng với các cơ sở giáo dục đại học nước ngoài chiếm ít nhất 10% tổng số chương trình đào tạo;

- Có ít nhất 03 chương trình hợp tác đào tạo, trao đổi giảng viên, sinh viên với các trường đại học nước ngoài;

- Nâng cao chất lượng đào tạo và khảo thí tiếng Anh theo định hướng nghề nghiệp.

② Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ

- Xây dựng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội thành trung tâm nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ uy tín và tin cậy, đủ khả năng tiếp cận và phát triển các công nghệ tiên tiến, ứng dụng vào thực tiễn sản xuất và đời sống xã hội của đất nước;

- Nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ đáp ứng yêu cầu nghiên cứu khoa học gắn với đào tạo, góp phần nâng cao chất lượng và phát triển đào tạo. Phấn đấu đến năm 2020, hoạt động khoa học và công nghệ một số lĩnh vực đạt trình độ tiên tiến, hiện đại của khu vực và thế giới;

- Đưa khoa học và công nghệ đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của Nhà trường và sự phát triển khoa học và công nghệ của Bộ, Ngành, Nhà nước. Đóng góp tích cực vào việc nâng cao vị thế và thương hiệu của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. Phấn đấu đến năm 2020 doanh thu từ hoạt động khoa học và công nghệ chiếm 20% tổng doanh thu của toàn Trường.

③ Chiến lược phát triển cơ sở vật chất, nguồn tài chính

- Xây dựng cơ sở vật chất (giảng đường, phòng thí nghiệm, thực hành, thư viện, ký túc xá, cơ sở văn hoá-thể thao) của trường đạt tiêu chuẩn TCVN 20-1985 theo hướng hiện đại ngang tầm các nước trong khu vực ASEAN;

- Xây dựng phương án tự chủ đại học, đa dạng hóa nguồn thu, phấn đấu tăng doanh thu tài chính 10% mỗi năm; Sử dụng hợp lý và hiệu quả các nguồn lực tài chính cho các hoạt động của Nhà trường, từng bước cải thiện nâng cao đời sống cho cán bộ, viên chức và người lao động.

④ Chiến lược phát triển nguồn nhân lực

- Phát triển hợp lý nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển cơ cấu tổ chức và các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường;

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, viên chức đảm bảo chất lượng, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, có bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống, lương tâm nghề nghiệp, yêu nghề, gắn bó với Nhà trường để đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học của Nhà trường;

- Quy mô đội ngũ đến năm 2020: Toàn trường có 1800 cán bộ, viên chức, trong đó có 1500 giảng viên. Đảm bảo tỷ lệ quy đổi giảng viên/sinh viên đạt 1/20 đối với khối ngành kỹ thuật, 1/25 đối với khối ngành KT-XH;

- Về chất lượng đội ngũ: Đến năm 2020, số giảng viên đạt trình độ tiến sĩ là 25%, đạt trình độ thạc sĩ là 75%, 50% giảng viên dưới 40 tuổi có trình độ ngoại ngữ để có thể tham gia các chương trình đào tạo ở nước ngoài; 100% cán bộ quản lý có trình độ từ thạc sĩ; 100% cán bộ phục vụ có trình độ từ đại học trở lên, sử dụng thành thạo máy vi tính trong công tác quản lý, nghiệp vụ;

- Xây dựng và chuẩn hoá đội ngũ viên chức và cán bộ quản lý theo yêu cầu của từng vị trí công tác trong trường;

- Xây dựng chính sách thu hút, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng toàn diện về chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp sư phạm, tin học, ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ, giảng viên.

⑤ Chiến lược nâng cao năng lực quản trị Nhà trường và đảm bảo chất lượng

- Nâng cao năng lực quản trị đại học theo mô hình quản trị tiên tiến, phù hợp với xu thế Quốc tế; Thiết lập và áp dụng hệ thống Đại học Điện tử theo mô hình BPM (Business Process Management – Quản trị quá trình tác nghiệp) vào thực hiện và quản lý các hoạt động của Nhà trường;

- Đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- 100% chương trình đào tạo được tự đánh giá theo chuẩn quốc gia hoặc quốc tế trong đó ít nhất 20% được kiểm định và công nhận.

⑥ Chiến lược phát triển quan hệ doanh nghiệp và việc làm cho sinh viên

- Trở thành trường đại học có quan hệ hợp tác với doanh nghiệp và hỗ trợ việc làm cho sinh viên hàng đầu ở khu vực phía Bắc. Khẳng định hợp tác với doanh nghiệp là nhân tố tích cực trong việc nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường;

- Phát triển quan hệ hợp tác với doanh nghiệp theo chiều sâu, hiệu quả, bền vững theo nguyên tắc đôi bên cùng có lợi;

- Đến năm 2020, tỷ lệ sinh viên có việc làm đạt trên 85% tại thời điểm sau khi tốt nghiệp 6 tháng, 100% giảng viên giảng dạy chuyên ngành có hoạt động hợp tác với doanh nghiệp, 30% môn học chuyên ngành có sự tham gia giảng dạy/hướng dẫn của chuyên gia đến từ doanh nghiệp.

⑦ Chiến lược phát triển Thương hiệu và Văn hóa Đại học Công nghiệp Hà Nội

- 100% các yếu tố nhận diện thương hiệu được sử dụng thống nhất trong Nhà trường. Tất cả cán bộ, viên chức và học sinh, sinh viên Nhà trường xác định và giải thích chính xác ý nghĩa các yếu tố nhận diện thương hiệu của trường;

- 100% cán bộ, viên chức và học sinh, sinh viên đạt các tiêu chí “Văn hóa Đại học Công nghiệp Hà Nội”;

- 100% chương trình đào tạo, sản phẩm khoa học công nghệ, thành tích trong các hoạt động của Nhà trường được thông tin và truyền thông rộng rãi tới khách hàng và các bên quan tâm. Website thông tin của Nhà trường nằm trong top 500 website được truy cập nhiều nhất Việt Nam;

- 60% doanh nghiệp có quan hệ thường xuyên với Nhà trường được lấy ý kiến đánh giá về chất lượng đào tạo và uy tín thương hiệu Nhà trường. 15% sinh viên tốt nghiệp được lấy ý kiến đánh giá về chất lượng các hoạt động của Nhà trường.

⑧ Chiến lược phát triển hợp tác quốc tế

- Tiếp cận và bắt kịp trình độ, chuẩn mực giáo dục tiên tiến của khu vực và thế giới, qua đó tiếp nhận, chia sẻ tài nguyên và kinh nghiệm phát triển, hợp tác đào tạo và nghiên cứu khoa học. Tiếp tục mở rộng quan hệ Quốc tế hiện có;

- Có quan hệ hợp tác Quốc tế về đào tạo và nghiên cứu khoa học công nghệ với các nước trong khu vực và các nước có nền giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ tiên tiến trên thế giới;

- Huy động sự giúp đỡ, hỗ trợ của các tổ chức, trường đại học Quốc tế phục vụ công tác đào tạo và NCKH, nhằm tăng cường nguồn lực cơ sở vật chất và học bổng cho học sinh, sinh viên; Phát huy tiềm năng của Nhà trường về hợp tác Quốc tế trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ;

- Mỗi năm có từ 1-2 nhiệm vụ hợp tác Quốc tế về khoa học và công nghệ.

Hệ thống giá trị cốt lõi: Kiên định - Khoa học- Khách hàng - Kỹ nghệ - Kết nối - Khác biệt - Kỷ cương - Khách quan.

2.2. Tầm nhìn - Sứ mạng – Chiến lược phát triển của Khoa Kế toán-Kiểm toán

2.2.1. Tầm nhìn

Trở thành một trung tâm nghiên cứu và đào tạo nguồn nhân lực hàng đầu trong lĩnh vực Kế toán, kiểm toán của Việt Nam, ngang tầm với các trường Đại học uy tín trong nước theo định hướng ứng dụng.

2.2.2. Sứ mạng

Cung cấp nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, đầy đủ kỹ năng nghề nghiệp để thực hiện được công tác vận hành, quản lý quy trình sản xuất, tư vấn và ..., nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán.

2.2.3. Chiến lược phát triển

- Dạy và học theo phương pháp tích cực;
- Phát triển chương trình đào tạo tiếp cận theo tiêu chuẩn quốc gia theo tổ chức nghề nghiệp (VACPA).

- Đánh giá và phát triển các hoạt động đào tạo tiếp cận theo tiêu chuẩn quốc gia, tiến tới theo chuẩn quốc tế;

- Chuẩn hóa giáo trình giảng dạy;

- Không ngừng nâng cao năng lực giảng viên và cán bộ quản lý;

- Xây dựng môi trường học tập, giảng dạy và NCKH tốt cho giảng viên và sinh viên;

- Đẩy mạnh hoạt động NCKH theo hướng ứng dụng thực tiễn sản xuất;

- Gắn kết hoạt động đào tạo với thực tế sản xuất tại doanh nghiệp;

2.3. Mục tiêu của chương trình

Chương trình đào tạo ngành Kiểm toán được thiết kế với mục tiêu đào tạo như sau:

2.3.1. Mục tiêu chung

Cử nhân Kiểm toán được trang bị hệ thống kiến thức cơ bản về Kinh doanh và quản lý; có hiểu biết về chính trị, xã hội và nhân văn; có kiến thức chuyên sâu và hiện đại về kế toán, kiểm toán trong các loại hình đơn vị kiểm toán; kiến thức về công tác kiểm soát nội bộ, kiểm tra kế toán; kiến thức về phân tích và tài chính doanh nghiệp; có khả năng học tập nâng cao cũng như học tiếp các chứng chỉ nghề nghiệp kế toán, kiểm toán.

2.3.2. Mục tiêu cụ thể

Về kiến thức

- Hiểu và vận dụng được vào thực tiễn hệ thống tri thức khoa học những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin. Hiểu được những kiến thức cơ bản, có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh, những nội dung cơ bản của Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Vận dụng các kiến thức toán, khoa học tự nhiên và kinh tế cơ bản của nhóm ngành kinh doanh và quản lý vào giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến ngành đào tạo.

- Áp dụng được các kiến thức cơ bản về kế toán, kiểm toán để lập và mô tả được các báo cáo tài chính kế toán trong doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế; phân tích được các vấn đề cơ bản trong quản trị tài chính doanh nghiệp.

- Vận dụng, phân tích và đánh giá được một số vấn đề chuyên sâu về lĩnh vực kế toán – kiểm toán của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế; phân tích, đánh giá được qui trình kế toán của một tổ chức kinh tế; có thể lập và phân tích được báo cáo tài chính; phân tích, đánh giá được một số qui trình kiểm toán nội bộ, kiểm toán tài chính; tham gia phân tích dự báo tài chính doanh nghiệp.

- Sử dụng kiến thức thực tế, thực tập, cử nhân Kiểm toán có kiến thức thực tiễn về kế toán, kiểm toán; tiếp cận và hoàn thành tốt các nhiệm vụ theo từng vị trí công việc được phân công.

- Vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn đã được trang bị để phân tích, tổng hợp và giải quyết một vấn đề nghiên cứu cụ thể trong lĩnh vực kiểm toán.

Về kỹ năng

- Kỹ năng xử lý công việc chuyên môn và nghiên cứu một cách độc lập, sáng tạo.

- Kỹ năng làm việc theo nhóm hiệu quả, giải quyết mối quan hệ trong nhóm để thực hiện các mục tiêu đã đề ra.

- Có kỹ năng giao tiếp tốt, có khả năng diễn đạt rõ ràng, thuyết phục ý kiến cá nhân đến công việc chuyên môn.

- Có khả năng tổ chức, thực hiện các hoạt động kiểm toán.

Về thái độ

- Có đạo đức nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật lao động và tôn trọng nội quy của cơ quan, doanh nghiệp.

- Có ý thức cộng đồng và tác phong công nghiệp, trách nhiệm công dân, làm việc theo pháp luật.

- Có tinh thần cầu tiến, hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp.

- Có ý thức vươn lên trong học tập, không ngừng áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới vào giải quyết những vấn đề của công việc.

- Chấp hành nghiêm túc pháp luật của nhà nước và các quy định của cơ quan. Làm việc với tinh thần kỷ luật cao, có lối sống lành mạnh

3. CHUẨN ĐẦU RA

Sinh viên tốt nghiệp ngành Kiểm toán đạt được những chuẩn đầu ra sau:

- *Yêu cầu về kiến thức*

+ Hiểu và vận dụng được vào thực tiễn hệ thống tri thức khoa học những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin. Hiểu được những kiến thức cơ bản, có tính hệ thống về tư

tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh, những nội dung cơ bản của Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

+ Vận dụng các kiến thức toán, khoa học tự nhiên và kinh tế cơ bản của nhóm ngành kinh doanh và quản lý vào giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến ngành đào tạo.

+ Áp dụng được các kiến thức cơ bản về kế toán, kiểm toán để lập và mô tả được các báo cáo tài chính kế toán trong doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế; phân tích được các vấn đề cơ bản trong quản trị tài chính doanh nghiệp.

+ Vận dụng, phân tích và đánh giá được một số vấn đề chuyên sâu về lĩnh vực kế toán – kiểm toán của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế; phân tích, đánh giá được qui trình kế toán của một tổ chức kinh tế; có thể lập và phân tích được báo cáo tài chính; phân tích, đánh giá được một số qui trình kiểm toán nội bộ, kiểm toán tài chính; tham gia phân tích dự báo tài chính doanh nghiệp.

+ Sử dụng kiến thức thực tế, thực tập, cử nhân Kiểm toán có kiến thức thực tiễn về kế toán, kiểm toán; tiếp cận và hoàn thành tốt các nhiệm vụ theo từng vị trí công việc được phân công.

+ Vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn đã được trang bị để phân tích, tổng hợp và giải quyết một vấn đề nghiên cứu cụ thể trong lĩnh vực kiểm toán.

Yêu cầu về kỹ năng:

- Kỹ năng cứng

+ Có khả năng tổ chức, thực hiện các hoạt động kiểm toán.

+ Tổ chức, thiết lập, triển khai, thực hiện và vận dụng chế độ chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán, sổ kế toán, biểu mẫu báo cáo tài chính, báo cáo quản trị tại các loại hình doanh nghiệp, cơ quan Nhà nước và các tổ chức xã hội khác

+ Thành lập việc thu thập, xử lý, kiểm tra và ghi chép chứng từ, sổ kế toán;

+ Lập và phân tích báo cáo tài chính ;

+ Lập và phân tích một số báo cáo kế toán quản trị như: Lập dự toán, dự báo về doanh thu, chi phí, lợi nhuận theo từng đơn vị/mặt hàng/khu vực...Lập báo cáo chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm,... để tham mưu cho lãnh đạo đơn vị về lĩnh vực kế toán-tài chính;

+ Lập báo cáo thuế hàng tháng và quyết toán thuế năm;

+ Thẩm định hiệu quả tài chính về dự án đầu tư;

+ Soạn thảo văn bản, hợp đồng, đàm phán và ứng xử giao tiếp;

+ Sử dụng thành thạo một phần mềm kế toán thông dụng phổ biến trên thị trường hiện nay.

+ Có khả năng tổ chức, thực hiện các hoạt động kiểm toán.

- Kỹ năng mềm

+ Kỹ năng xử lý công việc chuyên môn và nghiên cứu một cách độc lập, sáng tạo;

+ Kỹ năng làm việc theo nhóm hiệu quả, giải quyết mối quan hệ trong nhóm để thực hiện các mục tiêu đã đề ra;

+ Có kỹ năng giao tiếp tốt, có khả năng diễn đạt rõ ràng, thuyết phục ý kiến cá nhân đến công việc chuyên môn;

+ Có khả năng tổ chức, thực hiện các hoạt động kiểm toán.

Yêu cầu về thái độ:

- + Có đạo đức nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật lao động và tôn trọng nội quy của cơ quan, doanh nghiệp;
- + Có ý thức cộng đồng và tác phong công nghiệp, trách nhiệm công dân, làm việc theo pháp luật;
- + Có tinh thần cầu tiến, hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp;
- + Có ý thức vươn lên trong học tập, không ngừng áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới vào giải quyết những vấn đề của công việc;
- + Chấp hành nghiêm túc pháp luật của nhà nước và các quy định của cơ quan. Làm việc với tinh thần kỷ luật cao, có lối sống lành mạnh.

Chuẩn đầu ra đóng vai trò quan trọng cho việc phát triển và đánh giá chương trình đào tạo. Các chỉ báo đánh giá của từng chuẩn đầu ra được dùng làm tham chiếu để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình.

4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM

- Trợ lý kiểm toán viên tại các công ty kiểm toán độc lập, cơ quan kiểm toán Nhà nước;
- Kiểm soát viên, kiểm toán viên nội bộ, nhân viên quản lý tài chính ở các ngân hàng thương mại, các doanh nghiệp và các cơ quan tổ chức;
- Cán bộ nghiên cứu, giảng viên về kế toán - kiểm toán tại các trường, viện, trung tâm nghiên cứu, các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực kế toán-kiểm toán.
- Khả năng hoà nhập và thích ứng cao với môi trường công tác, có khả năng tự cập nhật những quy định mới và kiến thức mới trong lĩnh vực công tác;
- Khả năng học tiếp các chứng chỉ nghề nghiệp kế toán, kiểm toán. Khả năng tiếp tục học

5. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

5.1. Thông tin tuyển sinh

- Quy chế tuyển sinh: Theo quy chế tuyển sinh đại học chính quy của Bộ GD&ĐT, cập nhật tại <http://tuyensinh.hauu.edu.vn>.

- Vùng tuyển sinh: tuyển sinh trong cả nước.
- Đối tượng tuyển sinh: Tất cả thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.
- Phương thức tuyển sinh:

Tổ hợp xét tuyển:

- + Khối A00 (Toán, Lý, Hóa)
- + Khối B00 (Toán, Hóa, Sinh)
- + Khối D07 (Toán, Hóa, Anh)
- + Khối D08 (Toán, Sinh, Anh)

5.2. Quy trình đào tạo

- Quy chế đào tạo sử dụng là quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ, tạo điều kiện để sinh viên tích cực, chủ động thích ứng với quy trình đào tạo để đạt được những kết quả tốt nhất trong học tập, rèn luyện.

- Chương trình đào tạo được thiết kế 8 học kỳ tương ứng với 4 năm học, gồm 149 tín chỉ. Trong đó thời gian học tập chính thức 4 năm và thời gian học tập tối đa 8 năm.

- Mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ chính khoảng 15 tuần học, 2 tuần thi, 1 tuần dự trữ và học kỳ phụ khoảng 10 tuần.

5.3. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp

Những sinh viên có đủ điều kiện sau thì được xét tốt nghiệp:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo;

- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên;

- Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng an ninh và giáo dục thể chất;

- Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ;

- Đạt chuẩn đầu ra về công nghệ thông tin;

Sinh viên đủ điều kiện xét tốt nghiệp được Khoa tổng hợp và gửi đề xuất về Phòng Đào tạo, để trình Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp.

6. ĐỘI NGŨ VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY

Khoa Kế toán-kiểm toán bao gồm 04 bộ môn: Bộ môn Kiểm toán; Bộ môn Kế toán doanh nghiệp; Bộ môn Kế toán công và Bộ môn Hệ thống thông tin kế toán.

Hiện nay Khoa Kế toán-kiểm toán có ... cán bộ, giảng viên, trong đó có ... Phó giáo sư và ... tiến sĩ (...%), ... thạc sĩ (...%) và ... đại học. Độ tuổi bình quân của cán bộ, giảng viên là ... tuổi.

Bảng 2. Thống kê đội ngũ giảng viên của Khoa Kế toán-kiểm toán năm 2015

Stt	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (ng)				
				Nam	Nữ	<30	30–40	41–50	51–60	>60
1	Phó giáo sư									
2	Tiến Sĩ									
3	Thạc sĩ									
4	Đại học									
Tổng số										

Khoa Kế toán-kiểm toán hiện tại đang quản lý 04 phòng thí nghiệm chuyên ngành phục vụ cho học tập và nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên. Các phòng thí nghiệm và thiết bị được phân công quản lý bởi các Bộ môn Kiểm toán; Bộ môn Kế toán doanh nghiệp; Bộ môn Kế toán công và Bộ môn Hệ thống thông tin kế toán.

Bảng 3. Thống kê phòng thí nghiệm chuyên ngành

TT	Tên phòng thí nghiệm	Vị trí
1	Phòng thực hành Kiểm toán, Kế toán 2	206/B3
2	Phòng thực hành Kiểm toán, Kế toán 3	207/B3
3	Phòng thực hành Kiểm toán, Kế toán 6	307/B3
4	Phòng Hội thảo	Tầng 3 trung tâm thông tin thư viện khu B

Các phòng thí nghiệm chuyên ngành được đầu tư các thiết bị và mô hình hiện đại, gắn với thực tế ngoài doanh nghiệp, đáp ứng nhu cầu đào tạo ngành Kiểm toán.

7. CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

Chiến lược giảng dạy và học tập của Khoa kế toán - Kiểm toán tiếp cận dựa trên chuẩn đầu ra, ở cấp độ chương trình, từ chuẩn đầu ra mong đợi của chương trình đào tạo, thiết kế chuẩn đầu ra cấp độ CTĐT, thiết kế chuẩn đầu ra cấp độ học phần. Dựa trên chuẩn đầu ra này xây dựng kế hoạch giảng dạy, tiến trình giảng dạy: đề cương môn học, phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập và các công cụ đánh giá. Sau khi kết thúc học phần tiến hành đánh giá môn học và tiến đến đánh giá chương trình để tiến hành cải tiến chuẩn đầu ra chương trình.

1.1. Chuẩn bị của giảng viên

Giảng viên giảng dạy chương trình ngành xxx cần trang bị những kinh nghiệm dạy học khác nhau:

- Nắm rõ thông tin lớp học mà mình đang giảng dạy (lớp học có lý thuyết hay thực hành; môn học bắt buộc, môn học tự chọn hay môn học thay thế tốt nghiệp);
- Nắm rõ kiểu dạy học (dạy học liên môn, dạy học trực tuyến hay dạy học tích hợp);
- Hiểu rõ sinh viên của mình (sinh viên năm nhất, năm hai, năm ba hay năm cuối đại học);
- Hiểu rõ về chính sách trong học tập;

1.2. Các phương pháp/chiến lược dạy học

- Phương pháp thích nghi với người học, đặt trọng tâm ở người học;
- Thay đổi cách thức hoạt động dạy và học của GV và SV: Người học cần nghĩ nhiều hơn, làm nhiều hơn, thảo luận nhiều hơn, với trạng thái thoải mái, hứng thú hơn, trong mối quan hệ thân thiện dân chủ để thực hiện tốt mục tiêu đào tạo;

- Các phương pháp được sử dụng chủ yếu: giảng dạy trực tiếp, giảng dạy gián tiếp, học tập trải nghiệm, giảng dạy tương tác, và học tập độc lập.

- Danh sách chiến lược giảng dạy và phương pháp giảng dạy sử dụng trong chương trình đào tạo được mô tả như bảng 4.

Bảng 4. Chiến lược và phát triển giảng dạy

Chiến lược giảng dạy	Mô tả	Phương pháp giảng dạy
Giảng dạy trực tiếp	Đa số các học phần lý thuyết được dạy theo phương pháp thuyết trình, thuyết giảng, vấn đáp, đặt câu hỏi gợi ý, giao bài tập về nhà, kiểm tra khả năng tự học của sinh viên thông qua bài tập, thảo luận nhóm, seminar	Thuyết giảng; Bài học; Câu hỏi gợi ý, chẩn đoán Trình diễn mẫu, Luyện tập và thực hành
Giảng dạy gián tiếp	Một số học phần giảng dạy gián tiếp không có sự can thiệp rõ ràng của giảng viên như thực tập tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp	Yêu cầu; Giải quyết vấn đề; Nghiên cứu tình huống; Xây dựng ý tưởng
Học tập trải nghiệm	Các môn học cơ bản, cơ sở ngành và chuyên ngành có thực hành và thí nghiệm trong phòng thí nghiệm	Mô phỏng; Thực tế Thí nghiệm
Giảng dạy tương tác	Được thực hiện hầu hết trong các môn học của chương trình đào tạo. Sinh viên thảo luận nhóm, thuyết trình, thực tế tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp	Tranh luận; Thảo luận; Giải quyết vấn đề; Động não
Học tập độc lập	Hoạt động thực tế tốt nghiệp, hoạt động tự học, khóa luận tốt nghiệp	Kế hoạch cá nhân; Kế hoạch nghiên cứu

1.3. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

- Chương trình đào tạo được rà soát định kỳ 2 năm/1 lần theo hướng điều chỉnh đáp ứng được nhu cầu của người học và các bên có liên quan;

- Có nhiều hình thức hỗ trợ sinh viên trong nhiệm vụ rèn luyện đạo đức, tác phong và kỹ năng;

- Hàng kỳ các Bộ môn xây dựng kế hoạch dự giờ của GV đặc biệt là GV trẻ để trao đổi chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy nâng cao năng lực GV;

- Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về phẩm chất, tài năng, đạo đức và tác phong của GV;

- Thường xuyên lấy ý kiến của các bên liên quan về nhu cầu sử dụng người học sau khi tốt nghiệp.

8. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

8.1. Quy trình đánh giá

Phương pháp đánh giá sinh viên dựa trên chuẩn đầu ra cấp học phần cơ sở và các học phần chuyên ngành, chuẩn đầu ra cấp học phần phản ánh mức độ đạt được của chuẩn đầu ra cấp CTĐT ngành Kiểm toán. Việc đánh giá này phải đảm bảo tính giá trị, tin tưởng và công bằng. Đánh giá sinh viên bao gồm thi đầu vào, khảo sát sinh viên về môn học giữa kỳ và đánh giá tổng thể cuối kỳ. Các phương pháp đánh giá bao gồm: trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn, bài kiểm tra ngắn, báo cáo thực tế tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp, kiểm tra thực hành, phân tích tình huống. Chuẩn đánh giá có thể dựa vào các rubrics môn học. Việc cho điểm, phản hồi của giảng viên, sinh viên được thực hiện theo quy trình (Hình 2).

8.2 Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá

Quy định cụ thể trong Đề cương chi tiết học phần

8.3. Rubric đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình

Hướng dẫn cụ thể trong Đề cương chi tiết học phần

9. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Cấu trúc chương trình đảm bảo sự sắp xếp hợp lý, cân bằng ở từng học kỳ của năm học và từng khối kiến thức. Chương trình bố trí các môn học từ cơ bản đến nâng cao nhằm đảm bảo kiến thức được liên tục, mức độ tăng dần và đủ thời gian tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng, đạo đức, thái độ cần thiết để làm việc. Đồng thời chương trình cũng được thiết kế bảo đảm tính chuyên sâu cho từng lĩnh vực chuyên ngành và có khả năng mở rộng cho nhiều chuyên ngành khác nhau.

Nội dung chương trình bao gồm các khối kiến thức cơ bản, cơ sở, chuyên ngành tốt nghiệp có mức độ tăng dần được giảng dạy trong các môn học, đồng thời giúp người học nâng cao thêm các kỹ năng mềm, kỹ năng tin học, ngoại ngữ,... rèn luyện được tác phong, kỷ luật, an toàn lao động khi làm việc. Chương trình cũng đảm bảo tính linh hoạt giúp người học có thể chuyển đổi sang các ngành học khác ở năm thứ nhất, năm thứ hai hoặc học cùng lúc nhiều chương trình.

9.1 Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng số tín chỉ phải tích lũy

149 tín chỉ

Khối lượng học tập	Tổng số	Số tín chỉ			Tỷ lệ (%)
		LT	TH/ TN	TL/BTL/ĐA/TT	
Kiến thức Giáo dục đại cương	43	36	7	0	29,5
Kiến thức Cơ sở ngành	43	34	5	4	29,5
Kiến thức Chuyên ngành	45	35	10	0	30,8
Kiến thức tốt nghiệp	15	0	0	15	10,3
Tổng cộng	146	105	22	19	100

9.2 Nội dung chương trình

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			
			Tổng	LT	TH/ TN/ ThL	TL/ BTL/ ĐA/ TT
I		KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	43	36	7	0
I.1		Các môn lý luận chính trị	10	10	0	0
1	1203106	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin	5	5	0	0
2	1203108	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	0
3	1203101	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3	0	0
I.2		Khoa học xã hội và nhân văn	9	9	0	0
		Kiến thức bắt buộc	7	7	0	0
1	1203107	Pháp luật đại cương	2	2	0	0
		Ngoại ngữ	5	5	0	0
1	1303176	Tiếng Anh Thương mại 1	5	5	0	0
2	1303177	Tiếng Anh Thương mại 2	5	5	0	0
3	1303178	Tiếng Anh Thương mại 3	5	5	0	0
4	1303179	Tiếng Anh Thương mại 4	5	5	0	0
5	1303180	Tiếng Anh Thương mại 5	5	5	0	0
6	1303181	Tiếng Anh Thương mại	5	5	0	0
	TcKiT1	Kiến thức tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)	2	2	0	0
1	1403114	Kỹ năng giao tiếp	2	2	0	0
2	1403133	Tâm lý học người tiêu dùng	2	2	0	0
3	1603162	Văn hóa doanh nghiệp	2	2	0	0
I.3		Khoa học tự nhiên - Toán học - Tin học	12	12	0	0
		Kiến thức bắt buộc	9	9	0	0
1	1003107	Toán cao cấp 1	3	3	0	0
2	1003109	Toán cao cấp 2C	3	3	0	0
3	1003111	Xác suất thống kê	3	3	0	0
	TcKiT2	Kiến thức tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)	3	3	0	0
1	1603104	Đạo đức kinh doanh	3	3	0	0

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			
			Tổng	LT	TH/ TN/ ThL	TL/ BTL/ ĐA/ TT
2	1603106	Địa lý kinh tế	3	3	0	0
3	1603121	Lịch sử kinh tế thế giới	3	3	0	0
I.4	TcGDTC	Giáo dục thể chất (Chọn tối thiểu 4 tín chỉ)	4	0	4	0
1	0903127	Bóng bàn 1	1	0	1	0
2	0903128	Bóng bàn 2	1	0	1	0
3	0903113	Aerobic 1	1	0	1	0
4	0903114	Aerobic 2	1	0	1	0
5	0903115	Bóng chuyền 1	1	0	1	0
6	0903116	Bóng chuyền 2	1	0	1	0
7	0903117	Bơi 1	1	0	1	0
8	0903118	Bơi 2	1	0	1	0
9	0903135	Cầu mây 1	1	0	1	0
10	0903136	Cầu mây 2	1	0	1	0
11	0903137	Đá cầu 1	1	0	1	0
12	0903138	Đá cầu 2	1	0	1	0
13	0903129	Bóng rổ 1	1	0	1	0
14	0903130	Bóng rổ 2	1	0	1	0
15	0903139	Bóng đá 1	1	0	1	0
16	0903140	Bóng đá 2	1	0	1	0
17	0903133	Cầu lông 1	1	0	1	0
18	0903134	Cầu lông 2	1	0	1	0
19	0903121	Karate 1	1	0	1	0
20	0903122	Karate 2	1	0	1	0
21	0903123	Khiêu vũ 1	1	0	1	0
22	0903124	Khiêu vũ 2	1	0	1	0
23	0903125	Pencak Silat 1	1	0	1	0
24	0903126	Pencak Silat 2	1	0	1	0

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			
			Tổng	LT	TH/ TN/ ThL	TL/ BTL/ ĐA/ TT
25	0903141	<i>Tennis 1</i>	1	0	1	0
26	0903142	<i>Tennis 2</i>	1	0	1	0
I.5		Giáo dục quốc phòng - an ninh	8	5	3	0
1	0903101	Công tác quốc phòng, an ninh	2	2	0	0
2	0903108	Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)	3	0	3	0
3	0903102	Đường lối quân sự của Đảng	3	3	0	0
II		KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	103	69	15	19
II.1		Kiến thức cơ sở	43	34	5	4
II.1.1		Kiến thức cơ sở của khối ngành	27	25	2	0
		Kiến thức bắt buộc	25	23	2	0
1	1603115	Kinh tế vi mô	4	4	0	0
2	1603116	Kinh tế vĩ mô	3	3	0	0
3	1603123	Marketing căn bản	3	2	1	0
4	1603122	Lý thuyết thống kê	3	2	1	0
5	1203104	Luật kinh tế	3	3	0	0
6	1103121	Nguyên lý kế toán	3	3	0	0
7	1603148	Tài chính tiền tệ	3	3	0	0
8	1003102	Kinh tế lượng	3	3	0	0
	TcKiT3	Kiến thức tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)	2	2	0	0
1	1603117	Kỹ năng làm việc nhóm	2	2	0	0
2	1103136	Thăm quan thực tế (Ngành Kiểm toán)	2	0	0	2
3	1603142	Quản trị văn phòng	2	2	0	0
II.1.2		Kiến thức cơ sở ngành	16	9	3	4
		Kiến thức bắt buộc	13	7	2	4
1	1603144	Tài chính doanh nghiệp	3	2	1	0
2	1603143	Tài chính công	3	2	1	0

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			
			Tổng	LT	TH/ TN/ ThL	TL/ BTL/ ĐA/ TT
3	1103120	Lý thuyết kiểm toán	3	3	0	0
4	1103137	Thực tập cơ sở ngành (Ngành Kiểm toán)	4	0	0	4
	TcKiT4	Kiến thức tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)	3	2	1	0
1	1603151	Toán tài chính	3	2	1	0
2	1603155	Thị trường chứng khoán	3	2	1	0
3	1603185	Xác định rủi ro và áp dụng quy trình xử lý rủi ro	3	3	0	0
II.2		Kiến thức chuyên ngành	45	35	10	0
		Kiến thức bắt buộc	43	33	10	0
1	1103109	Kế toán tài chính 1	3	3	0	0
2	1103110	Kế toán tài chính 2	3	3	0	0
3	1103118	Kiểm toán tài chính 1	3	2	1	0
4	1103134	Kiểm toán tài chính 2	3	2	1	0
5	1103135	Kiểm toán tài chính 3	2	1	1	0
6	1103106	Kế toán quản trị 1	3	2	1	0
7	1103130	Kiểm toán hoạt động	3	3	0	0
8	1103129	Kiểm soát quản lý	3	3	0	0
9	1103122	Phân tích báo cáo tài chính	3	2	1	0
10	1103103	Kế toán công 1	4	3	1	0
11	1103102	Hệ thống thông tin kế toán	3	2	1	0
12	1103117	Kiểm soát nội bộ	2	2	0	0
13	1103115	Kế toán và lập báo cáo thuế	3	2	1	0
14	1103159	Nghiên cứu, ứng dụng trong kế toán, kiểm toán	3	2	1	0
15	1103162	Thực hành nghề nghiệp kiểm toán	2	1	1	0
	TcKiT5	Kiến thức tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)	2	2	0	0
1	1103114	Kế toán trong các ngành kinh tế đặc thù	2	2	0	0
2	1103105	Kế toán công ty	2	2	0	0
3	1103123	Tổ chức công tác kế toán	2	2	0	0

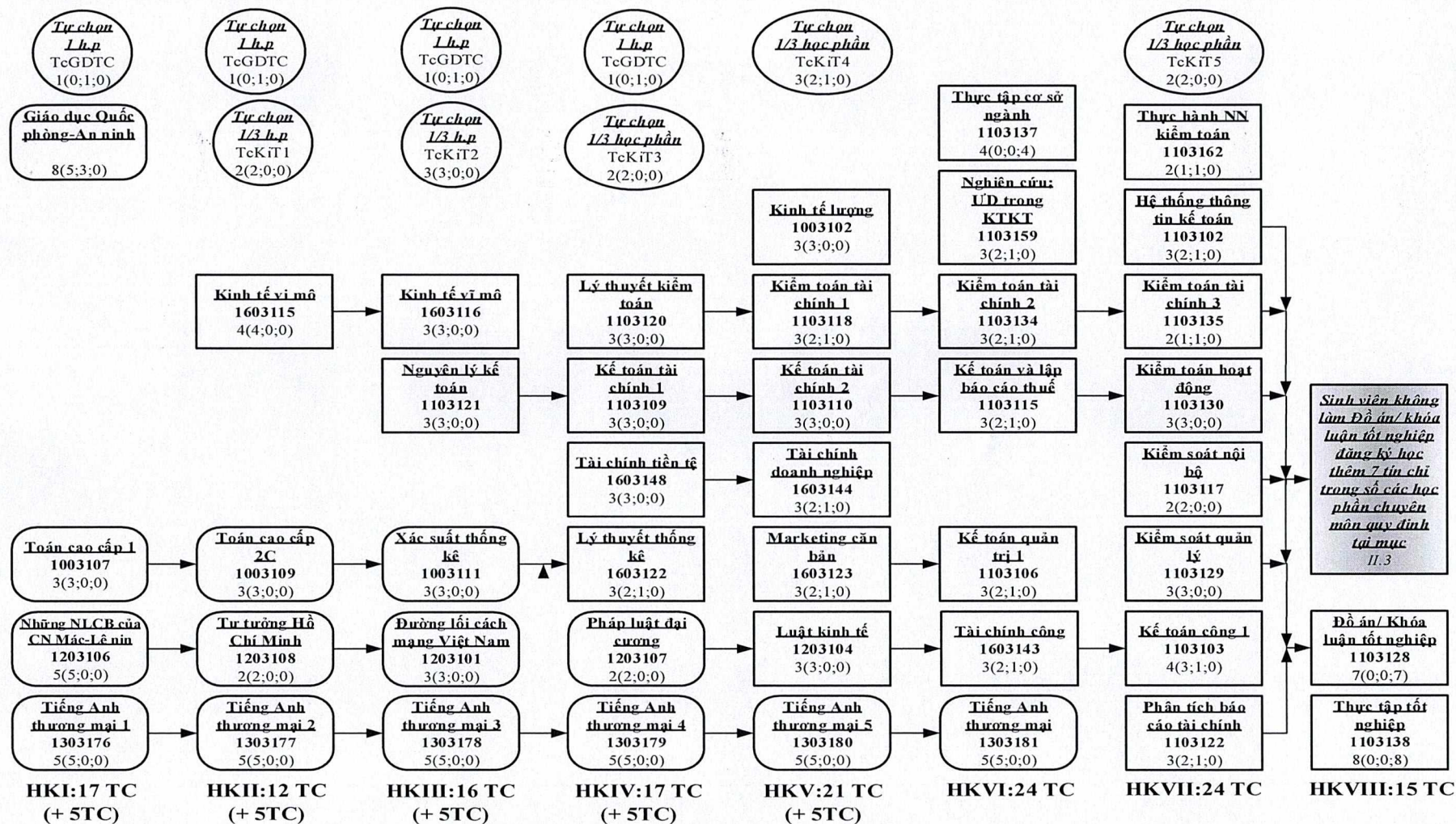
STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			
			Tổng	LT	TH/ TN/ ThL	TL/ BTL/ ĐA/ TT
II.3		Thực tập tốt nghiệp và làm đồ án/ khóa luận tốt nghiệp (hoặc học thêm một số học phần chuyên môn thay thế đồ án/ khóa luận tốt nghiệp)	15	0	0	15
1	1103138	Thực tập tốt nghiệp (Ngành Kiểm toán)	8	0	0	8
2	1103128	Đồ án/ khóa luận tốt nghiệp (Ngành Kiểm toán)	7	0	0	7
	TcTnKiT	<i>Sinh viên không làm đồ án/ khóa luận tốt nghiệp đăng ký học thêm 7 tín chỉ trong các học phần sau:</i>	7	7	0	0
1	1103111	Kế toán tài chính 3	3	1	2	0
2	1103108	Kế toán quốc tế	3	3	0	0
3	1103127	Chuyên đề kiểm toán	4	3	1	0
		Tổng toàn khoá (Tín chỉ)	146	105	22	19

Ghi chú: Các học phần " Tiếng Anh Thương mại 1 "; " Tiếng Anh Thương mại 2 "; " Tiếng Anh Thương mại 3 "; " Tiếng Anh Thương mại 4 " và " Tiếng Anh Thương mại 5 " áp dụng riêng cho đối tượng sinh viên chưa đạt chuẩn đầu vào tiếng Anh, và không tính khối lượng vào chương trình đào tạo.

9.3 Ma trận các kỹ năng

(Phụ lục A3 kèm theo)

9.4 Sơ đồ tiến trình đào tạo



9.5 Mô tả tóm tắt nội dung học phần

9.5.1. Nguyên lý kế toán

Học phần Nguyên lý kế toán cung cấp cho sinh viên những kiến thức bao gồm: Tổng quan về kế toán; Các phương pháp hạch toán kế toán: Phương pháp chứng từ, phương pháp tài khoản, phương pháp tính giá và phương pháp tổng hợp cân đối kế toán; Hạch toán các quá trình kinh doanh chủ yếu.

9.5.2. Lý thuyết kiểm toán

Học phần lý thuyết kiểm toán cung cấp những kiến thức về cơ bản về kiểm toán: Khái niệm kiểm toán, các loại kiểm toán, kiểm toán viên và tổ chức bộ máy kiểm toán, các khái niệm cơ bản sử dụng trong kiểm toán, các phương pháp kiểm toán, và trình tự các bước kiểm toán.

9.5.3. Thực tập cơ sở ngành (Ngành Kiểm toán)

Học phần này được thiết kế sau khi sinh viên học được 6 học kỳ, có kiến thức cơ bản về ngành đạo tạo. Học phần gồm các nội dung tìm hiểu về mô hình tổ chức quản lý của đơn vị thực tập. Hệ thống các văn bản pháp lý được thực hiện trong đơn vị

9.5.4. Kế toán tài chính 1

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp kế toán vốn bằng tiền, kế toán vật liệu, công cụ dụng cụ, kế toán tài sản cố định

9.5.5. Kế toán tài chính 2

Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương, kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, kế toán thành phẩm, tiêu thụ thành phẩm, xác định kết quả kinh doanh và phân phối thu nhập trong doanh nghiệp.

9.5.6. Kiểm toán tài chính 1

Học phần kiểm toán tài chính 1 cung cấp những kiến thức khái quát về kiểm toán tài chính, lập kế hoạch kiểm toán, bằng chứng kiểm toán và hồ sơ kiểm toán, nội dung và cách thức lập báo cáo kiểm toán và trách nhiệm của kiểm toán viên trong kiểm toán tài chính.

9.5.7. Kiểm toán tài chính 2

Học phần kiểm toán tài chính 2 cung cấp những kiến thức chi tiết về các chu trình kiểm toán cơ bản, các nội dung kiểm toán chi tiết các chu trình cơ bản của kiểm toán tài chính: chu trình bán hàng và thu tiền, chu trình mua hàng và thanh toán, chu trình tiền lương và nhân sự, chu trình hàng tồn kho và chi phí, chu trình TSCĐ, tiền và lập báo cáo kiểm toán.

9.5.8. Kiểm toán tài chính 3

Học phần kiểm toán tài chính 3 cung cấp những kiến thức về mục tiêu, căn cứ, thực hiện các thử nghiệm cơ bản kiểm toán các chu kỳ như vốn chủ sở hữu, thu nhập và chi phí, những kiến thức tổng hợp về lập báo cáo kiểm toán và thư quản lý. Học phần này được học sau các học phần lý thuyết kiểm toán, kiểm toán tài chính 1, kiểm toán tài chính 2

9.5.9. Kế toán quản trị 1

Học phần Kế toán quản trị 1 bao gồm những nội dung cơ bản về kế toán quản trị, phân loại chi phí và các phương pháp xác định chi phí và giá thành, phương pháp lập dự toán và định mức, phân tích chi phí trong mối quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận nhằm cung cấp thông tin cho các nhà quản trị ra các quyết định quản lý kinh tế, hướng mọi hoạt động về mục tiêu đã định.

9.5.10. Kiểm toán hoạt động

Học phần kiểm toán hoạt động cung cấp những kiến thức về khái niệm, tiêu chuẩn, chuẩn mực, tổ chức kiểm toán hoạt động và kiểm toán các hoạt động cơ bản trong các đơn vị, tổ chức như: Kiểm toán hoạt động nguồn nhân lực, kiểm toán hoạt động cung ứng, sản xuất, thông tin, hoạt động ngân sách nhà nước

9.5.11. Kiểm soát quản lý

Học phần cung cấp các kiến thức về bản chất của hệ thống kiểm soát quản lý; Gắn kết hành vi trong doanh nghiệp; Thiết kế các trung tâm trách nhiệm; Kiểm soát tính giá chuyên giao; Lập kế hoạch và thực hiện chiến lược trong kiểm soát quản lý; lập dự toán hoạt động trong kiểm soát quản lý; Phân tích báo cáo hoạt động trong quản lý; Đo lường và đánh giá các hoạt động trong kiểm soát quản lý; Khen thưởng và đãi ngộ trong doanh nghiệp. Kiểm soát quản lý ở một số đơn vị đặc thù;

9.5.12. Phân tích báo cáo tài chính

Học phần Phân tích báo cáo tài chính bao gồm những nội dung cơ bản về phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp trong từng nội dung phân tích cụ thể. Từ cung cấp kiến thức về cơ sở dữ liệu phục vụ cho phân tích báo cáo tài chính đến các phương pháp phân tích báo cáo tài chính; phân tích, đánh giá khái quát hệ thống báo cáo tài chính; khả năng thanh toán, rủi ro tài chính; cơ cấu tài chính và hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

9.5.13. Kế toán công 1

Học phần Kế toán công 1 trang bị cho sinh viên những kiến thức bao gồm: Tổng quan về đơn vị hành chính sự nghiệp; Kế toán vốn bằng tiền; Kế toán vật liệu, dụng cụ; Kế toán TSCĐ, Kế toán thanh toán; Kế toán nguồn kinh phí, nguồn vốn; Kế toán các khoản thu, chi

9.5.14. Hệ thống thông tin kế toán

Học phần Hệ thống thông tin kế toán bao gồm những nội dung cơ bản của hệ thống thông tin kế toán, kiểm soát nội bộ trong hệ thống thông tin kế toán, phát triển hệ thống và các công cụ mô tả hệ thống thông tin kế toán, các chu trình kinh doanh như: chu trình mua hàng và chi tiền, chu trình tiền lương, chu trình tài sản cố định, chu trình sản xuất, chu trình doanh thu.

9.5.15. Kiểm soát nội bộ

Học phần kiểm soát nội bộ thuộc khối kiến thức chuyên ngành, là kiến thức nền tảng trong đào tạo chuyên ngành kiểm toán; Học phần kiểm soát nội bộ bao gồm khối kiến thức tổng quan về kiểm soát nội bộ bao gồm những nội dung cơ bản, vai trò hoạt động kiểm soát nội bộ, nội dung về kiểm soát môi trường, thông tin, đánh giá, kiểm soát hoạt động, các thủ tục hoạt động và báo cáo kiểm soát nội bộ.

9.5.16. Kế toán và lập báo cáo thuế

Học phần cung cấp những thông tin cơ bản về kế toán thuế bao gồm: Tổng quan về kế toán các loại thuế, lập báo cáo thuế, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu, thuế môn bài, thuế tài nguyên, thuế bảo vệ môi trường,...

9.5.17. Nghiên cứu, ứng dụng trong kế toán, kiểm toán

Học phần Nghiên cứu ứng dụng trong kế toán, kiểm toán cung cấp cho sinh viên các nội dung: Tổng quan về nghiên cứu khoa học và phương pháp nghiên cứu khoa học; Quy trình nghiên cứu khoa học; Thực hành nghiên cứu trong kế toán kiểm toán

9.5.18. Thực hành nghề nghiệp kiểm toán

Học phần cung cấp những thông tin cơ bản về kế toán thuế bao gồm: Tổng quan về kế toán các loại thuế, lập báo cáo thuế, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu, thuế môn bài, thuế tài nguyên; thuế bảo vệ môi trường,...

9.5.19. Kế toán trong các ngành kinh tế đặc thù

Học phần bao gồm: Kế toán hoạt động xây lắp; kế toán hoạt động dịch vụ bưu chính viễn thông; kế toán hoạt động kinh doanh dịch vụ vận tải; kế toán hoạt động sản xuất nông nghiệp; kế toán hoạt động kinh doanh bảo hiểm nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hạch toán kế toán của một số doanh nghiệp đặc thù. Từ đó, giúp sinh viên biết cách xử lý nghiệp vụ kinh tế đúng luật khi làm kế toán tại các đơn vị.

9.5.20. Kế toán công ty

Học phần cung cấp những thông tin cơ bản về: Công ty và đặc điểm kinh tế - pháp lý của công ty, kế toán thành lập công ty, kế toán biến động vốn góp trong các công ty, kế toán tổ chức lại và giải thể công ty, báo cáo tài chính trong công ty.

9.5.21. Tổ chức công tác kế toán

Học phần này được học sau các học phần Kế toán tài chính 1, 2, 3. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tổ chức kế toán, bộ máy kế toán, tổ chức thu nhận, xử lý, hệ thống hóa và cung cấp thông tin kế toán, tổ chức trang bị, sử dụng phương tiện, thiết bị cho công tác kế toán trong doanh nghiệp

9.5.22. Thực tập tốt nghiệp (Ngành Kiểm toán)

Học phần này được thiết kế sau khi sinh viên học được 7 học kỳ, có kiến thức cơ bản về ngành đạo tạo; - Học phần gồm các nội dung tiềm hiểu về mô hình tổ chức quản lý của đơn vị thực tập. Hệ thống các văn bản pháp lý được thực hiện trong đơn vị

9.5.23. Kế toán tài chính 3

Học phần Kế toán tài chính 3 những kiến thức cơ bản về kế toán vốn chủ sở hữu và nợ phải trả, lập và trình bày báo cáo tài chính và những nội dung thực hành nghiệp vụ kế toán tại một doanh nghiệp theo chu trình (lập chứng từ, phân loại chứng từ, định khoản, phản ánh vào sổ chi tiết, sổ tổng hợp, lập báo cáo kế toán) theo hình thức kế toán Nhật ký chung, Chứng từ ghi sổ cho các phần hành kế toán vốn bằng tiền, kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, kế toán tài sản cố định, kế toán tiền lương, kế toán chi phí giá thành, tiêu thụ và xác định kết hoạt động kinh doanh.

9.5.24. Kế toán quốc tế

Học phần Kế toán quốc tế cung cấp cho sinh viên những nội dung căn bản gồm: Những vấn đề chung về kế toán quốc tế; Chuẩn mực kế toán quốc tế; Quy trình kế toán; Báo cáo tài chính; Kế toán trong các doanh nghiệp thương mại; Kế toán tài sản ngắn hạn; Kế toán tài sản dài hạn; Kế toán đầu tư; Kế toán nợ phải trả; Kế toán nguồn vốn chủ sở hữu

9.5.25. Chuyên đề kiểm toán

Học phần cung cấp những thông tin cơ bản về bản chất, trình tự, nội dung, quy trình và kỹ thuật kiểm toán, các chương trình kiểm toán cụ thể liên quan đến hoạt động của các đơn vị kế toán.

10. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo được đối sánh với chương trình đào tạo của các Trường Đại học khác cùng ngành làm cơ sở đánh giá, cải tiến, phát triển chương trình như Trường Đại học ...

Một số nhận xét: Ví dụ

Kết quả cho thấy các chương trình của các Trường Đại học trong nước được so sánh cùng ngành có số tín chỉ cho nhóm kiến thức tương đương phù hợp với yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tuy nhiên, số tín chỉ các môn học tự chọn của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội còn thấp. Điều này phụ thuộc vào cách tiếp cận khi xây dựng chương trình.

11. PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Bản mô tả chương trình này đã được kiểm tra, phê duyệt về nội dung chương trình đào tạo và ban hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội./.

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2018

TRƯỞNG KHOA

PGS, TS. Đặng Ngọc Hùng

PHỤ LỤC: TÀI LIỆU THAM KHẢO XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

I. Các văn bản pháp lý

- Hướng dẫn đánh giá chương trình theo AUN – QA, phiên bản 3.0 2015;
- Hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của BGD&ĐT 2016;
- Luật giáo dục đại học số 08/2012/QH13;
- Quyết định 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18 tháng 09 năm 2008 về Ban hành chương trình các môn lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối ngành không chuyên;